

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210 /2021/DS-PT

Ngày 29-12-2021

V/v yêu cầu chấm dứt hành vi trái
pháp luật và bồi thường thiệt hại
về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tâm

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Bà Ngô Thị Bích Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2021/TLPT-DS, ngày 14 tháng 6 năm 2021 về “yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật và bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 129/DS-ST ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2021/QĐXXPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 354/2021/QĐ-PT, ngày 01 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Phi H, sinh năm 1966; địa chỉ: Khu phố A, phường T1, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thị Ngân H, sinh năm 1996; địa chỉ: Số C, đường số 1, khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 30/11/2021; có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH T2; địa chỉ: Số 510, đại lộ B1, phường H1, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Vương Ngọc B, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 467/7, đại lộ B1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/11/2021; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Văn T3, sinh năm 1950; địa chỉ: Khu phố 4, phường T1, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.
- *Người kháng cáo:* Công ty TNHH T2.
- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ông Bùi Phi H là người quản lý, sử dụng phần diện tích đất 1.524m², thuộc thửa số 395, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại phường T1, thị xã B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ) số X, số vào sổ Y do CƠ QUAN U huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/6/2006 cho Ông Bùi Phi H. Trên đất Ông Bùi Phi H có trồng khoảng 200 cây cao su 10 năm tuổi.

Bên cạnh thửa đất của ông H (phía sau đất cạnh hướng Nam) là Khu nhà ở phát triển đô thị T3 do Công ty TNHH T2 làm chủ đầu tư xây dựng từ năm 2016 đến nay vẫn còn đang tiếp tục thực hiện. Khi Công ty TNHH T2 xây dựng Khu nhà ở phát triển đô thị T3 không làm hệ thống thoát nước đảm bảo nên dẫn đến việc nước thải, nước mưa của Khu nhà ở phát triển đô thị T3 đổ ra phần đất của Ông Bùi Phi H làm ngập úng gây hư hỏng nặng đối với toàn bộ 200 cây cao su. Ông H đã nhiều lần liên hệ yêu cầu Công ty TNHH T2 xử lý tình trạng nước gây ngập úng nhưng Công ty TNHH T2 vẫn không thực hiện việc xử lý hệ thống nước thải.

Trước đây phần đất của Khu nhà ở phát triển đô thị T3 là đồng ruộng, thời điểm này có tồn tại một con mương thoát nước rộng khoảng 02m dẫn nước chảy tự nhiên ra đồng ruộng, giáp ranh liền kề với thửa đất của ông H tồn tại một con mương thoát nước (mương nước này là do những người sử dụng đất liền kề khai thông để thoát nước mưa, nước sinh hoạt) trong quá trình sử dụng đất. Sau khi Công ty TNHH T2 xây dựng Khu nhà ở phát triển đô thị T3 thì đã san lấp làm cho mương nước này không lưu thông, ứ đọng gây tình trạng ngập nước làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất và cây trồng trên phần đất của ông H. Vì khi xây dựng Khu nhà ở phát triển đô thị T3 đã làm thay đổi địa hình từ thấp hơn sang địa hình cao hơn so với phần đất của ông H, làm thay đổi dòng chảy tự nhiên nên nước tràn ra gây ngập úng phần đất của ông H, việc san lấp mặt bằng để xây dựng Khu nhà ở phát triển đô thị T3 đã chặn một phần con mương dẫn nước thoát tự nhiên bị thay đổi dòng chảy nên đã chảy vào phần đất của ông H, cùng với việc Công ty TNHH T2 xây dựng Khu nhà ở phát triển đô thị T3 đã không xây dựng hệ thống thoát nước đảm bảo, đặc biệt vào mùa mưa làm cho cao su bị rụng lá, chết, làm thiệt hại không khai thác được mùa.

Việc Công ty TNHH T2 xây dựng Khu nhà ở phát triển đô thị T3 làm cho thay đổi dòng chảy nước không thoát được ra sông suối gây ngập úng, làm ảnh hưởng đến tài sản của ông H. Nay Ông Bùi Phi H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty TNHH T2 xây dựng hệ thống thoát nước để chấm dứt

tình trạng gây ngập úng toàn bộ phần đất diện tích 1.524m² thuộc thửa đất số 395, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại phường T1, thị xã B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 483387, số vào sổ cấp GCN QSDĐ H 01361 do CƠ QUAN U huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho Ông Bùi Phi H ngày 15/6/2006.

2. Buộc Công ty TNHH T2 bồi thường toàn bộ giá trị cây cao su bị hư hỏng: 200 cây x 300.000/cây = 60.000.000 đồng và chi phí trồng lại 200 cây cao su là 50.000 đồng/cây x 200 cây = 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 70.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/3/2020 thì hiện nay trên đất có 148 cây cao su (10 năm tuổi). Hiện nay 148 cây cao su này không khai thác được mủ cao su. Vì vậy, ông H yêu cầu Công ty TNHH T2 bồi thường toàn bộ giá trị 148 cây cao su bị hư hỏng, không khai thác được theo giá trị Hội đồng định giá đã định: 148 cây x 440.000 đồng/ cây = 65.120.000 đồng và chi phí trồng lại 200 cây cao su là 50.000 đồng/cây x 200 cây = 10.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

1. Buộc Công ty TNHH T2 xây dựng hệ thống thoát nước để chấm dứt tình trạng gây ngập úng toàn bộ phần đất diện tích 1.524m² thuộc thửa đất số 395, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại phường T1, thị xã B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N do CƠ QUAN U huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho Ông Bùi Phi H ngày 15/6/2006.

2. Buộc Công ty TNHH T2 bồi thường toàn bộ giá trị cây cao su bị hư hỏng: 200 cây x 300.000/cây = 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/3/2020 thì hiện nay trên đất có 148 cây cao su (10 năm tuổi). Hiện nay 148 cây cao su này không khai thác được mủ cao su. Vì vậy, ông H yêu cầu Công ty TNHH T2 bồi thường toàn bộ giá trị 148 cây cao su bị hư hỏng, không khai thác được theo giá trị Hội đồng định giá đã định: 148 cây x 440.000 đồng/cây = 65.120.000 đồng.

3. Ông Bùi Phi H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với chi phí trồng lại cây cao su là 10.000.000 đồng, nay ông H không yêu cầu Công ty TNHH T2 phải trả.

Bị đơn trình bày:

Khu nhà ở phát triển đô thị T3 là do Công ty TNHH T2 làm chủ đầu tư xây dựng. Khu nhà ở phát triển đô thị T3 được tiến hành xây dựng từ năm 2016. Từ khi xây dựng và đi vào hoạt động thì toàn bộ báo cáo đánh giá tác động môi trường, hệ thống xử lý nước mưa, hệ thống cống thoát nước đã đảm bảo và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Qua khảo sát thực tế, Khu nhà ở phát triển đô thị T3 hoàn toàn không đổ nước ra phần đất của Ông Bùi Phi H, không làm ngập nước đối với phần đất của ông H nên không có việc làm chết cây, hư hỏng cây cao su của ông H. Việc ông

H cho rằng đất ông H bị ngập thì không phải do nước của Khu nhà ở phát triển đô thị T3 đổ ra mà do gia đình ông H không làm hệ thống thoát nước dẫn đến trình trạng nước không thoát được và tràn ngập.

Thực tế giáp liền kề với thửa đất của ông H có tồn tại một con mương thoát nước nhưng không phải là mương tự nhiên mà là do những người sử dụng đất liền kề khai thông để thoát nước mưa, nước sinh hoạt trong quá trình sử dụng đất.

Trước đây phần đất của Khu nhà ở phát triển đô thị T3 là đồng ruộng, khi Công ty TNHH T2 xây dựng Khu nhà ở phát triển đô thị T3 thì đã tiến hành san lấp mặt bằng cao hơn phần đất của ông H, phần đất của ông H thấp hơn và là đất ruộng, ông H không xây dựng hệ thống thoát nước nên nước không lưu thông, ứ đọng gây tình trạng ngập nước đối với phần đất của ông H. Công ty TNHH T2 không xây dựng san lấp mặt bằng làm lấp mương, hiện tại con mương này vẫn còn tồn tại.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ không có việc nước từ Khu nhà ở phát triển đô thị T3 đổ ra làm ngập đất ông H nên Công ty TNHH T2 không đồng ý bồi thường. Tuy nhiên với tinh thần thiện chí thương lượng nên Công ty TNHH T2 đồng ý hỗ trợ cho Ông Bùi Phi H số tiền 10.000.000 đồng đối với các cây cao su trên đất ông H cho rằng không khai thác được. Sau khi Công ty TNHH T2 xây dựng Khu nhà ở phát triển đô thị T3 và đưa vào hoạt động thì cũng có một số hộ dân liền kề Khu nhà ở phát triển đô thị T3 như ông H phản ánh cho rằng Công ty TNHH T2 xây dựng Khu nhà ở phát triển đô thị T3 làm ngập nước các hộ dân, nhưng thực tế không phải như vậy mà là do đất của họ thấp hơn và họ không xây dựng hệ thống thoát nước nên gây ngập. Nhưng vì thiện chí muốn thương lượng hòa giải nên Công ty TNHH T2 đã hỗ trợ cho một số hộ dân xung quanh (khoảng 04 hộ) một số tiền, hộ thấp nhất là 8.000.000 đồng và hộ cao nhất là 15.000.000 đồng. Việc hỗ trợ không có biên bản, không có hồ sơ hỗ trợ nên Công ty TNHH T2 không cung cấp được cho Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T3 không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 129/DS-ST ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Bùi Phi H đối với bị đơn Công ty TNHH T2 về việc “yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật và bồi thường thiệt hại về tài sản” đối với khoản tiền là chi phí trồng lại cây cao su 10.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Bùi Phi H đối với bị đơn Công ty TNHH T2 về việc “yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật và bồi thường thiệt hại về tài sản”.

2.1. Buộc Công ty TNHH T2 phải khắc phục để chấm dứt tình trạng gây ngập úng đối với phần đất diện tích 1.524m² thuộc thửa đất số 395, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại phường T1, thị xã B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số M, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N do CƠ QUAN U huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho Ông Bùi Phi H ngày 15/6/2006.

2.2. Buộc Công ty TNHH T2 có trách nhiệm bồi thường cho Ông Bùi Phi H khoản tiền do tài sản bị thiệt hại là 65.120.000 đồng (sáu mươi lăm triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, quyết định của bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/01/2021, Công ty TNHH T2 kháng cáo và cho rằng Công ty Ngọc Điền không có lỗi trong việc làm cho phần đất của ông H bị ngập úng nước, hệ thống nước thải, thoát nước mưa đều đảm bảo không chảy qua phần đất của ông H nên Công ty không có trách nhiệm xây dựng hệ thống thoát nước giáp ranh đất của ông H và không phải bồi thường thiệt hại đối với 148 cây cao su.

Ngày 18/01/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố T kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2020/DS-ST ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty TNHH T2 không thay đổi, bổ sung, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị giữ nguyên yêu cầu kháng nghị.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T2, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH T2 làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về kháng cáo của Công ty TNHH T2, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ông Bùi Phi H là người quản lý, sử dụng phần diện tích đất 1.524m², thuộc thửa số 395, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại phường T1, thị xã B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X, số vào sổ Y do

CƠ QUAN U huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/6/2006 cho Ông Bùi Phi H. Trên đất Ông Bùi Phi H có trồng cây cao su.

[2.2] Tại biên bản về việc xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân thị xã B lập ngày 04/3/2020 thể hiện có tứ cận như sau:

Phía Đông Bắc giáp đường đất;

Phía Đông Nam giáp đất khu đô thị T3 thuộc (Công ty TNHH T2);

Phía Tây Nam giáp đất khu đô thị T3 thuộc (Công ty TNHH T2);

Phía Tây Bắc giáp đất ông Bùi Văn Đ.

Phần đất của Ông Bùi Phi H được xác định ranh bằng trụ bê tông, hàng rào kẽm gai, trên đất có trồng 148 cây cao su 10 năm tuổi, trong đó theo nguyên đơn trình bày có 66 cây cao su không thể khai thác được, theo phía bị đơn xác nhận có 148 cây cao su, chết 02 cây, số còn lại vẫn sống bình thường, tứ cận khu đất không có công xả nào từ khu đô thị T3 của Công ty N.

[2.3] Ngày 23/12/2020, Tòa án nhân dân thành phố T tiếp tục tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ một lần nữa xác định có tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp đường đất cụt;

Phía Nam giáp đất khu đô thị T3 thuộc (Công ty TNHH T2);

Phía Tây giáp đất khu đô thị T3 thuộc (Công ty TNHH T2);

Phía Đông giáp đất ông Bùi Văn Đ.

Phần cuối đất giữa ranh đất ông H và ranh đất hiện tại có một mương nước. Phần cuối đất hướng Tây giáp ranh giới đất khu đô thị T3 hiện tại không bị ngập nước. Thửa đất của Ông Bùi Phi H được xác định ranh bằng trụ bê tông, hàng rào kẽm gai, trên đất có trồng 148 cây cao su, trong đó có 05 cây cao su không có ngọn cây (gãy ngọn), không còn lá, chết, 23 cây cao su bị khô chết, các cây cao su còn lại vẫn còn sống nhưng ít lá. Tại thời điểm thẩm định không có nước từ hộ dân nào hay khu đô thị T3 chảy tràn vào đất của ông H, không có nước chảy của hộ chăn nuôi nào xả vào thửa đất của ông H, các cây cao su đã được khai thác mủ, nhưng hiện nay không còn khai thác nữa.

[2.4] Tại Biên bản xác minh ngày 04/3/2020, Ủy ban nhân dân phường T1 cho biết Công ty TNHH T2 xây dựng khu đô thị T3 đúng theo quy định của pháp luật và có hệ thống thoát nước theo quy định, nguyên nhân việc tràn nước thải lên phần đất của ông H là do đất của ông H thấp hơn đất khu dân cư đô thị T3 dẫn đến việc thoát nước tự nhiên không được đảm bảo và tại Biên bản xác minh ngày 22/10/2020, CƠ QUAN U phường T1 cho biết tại tờ bản đồ địa chính chính quy năm 1999 và năm 2009 thì thửa đất số 395 cấp cho ông H không tiếp giáp mương thoát nước, nhưng trên thực tế đất ông H giáp ranh đất ông Đ có mương nước, hiện nay mương nước vẫn còn nhưng không được khai thông, bị ứ đọng. Sau khi khu đô thị T3 đi vào sử dụng thì có một số hộ dân có đất giáp ranh giới đất của khu dân cư T3 bị tình trạng ngập nước. Công ty TNHH T2 có thương lượng đền bù cho hộ Phan Văn T4, ông Bùi Văn Đ và ông T5, riêng phần đất giáp ranh của ông H không thỏa thuận được.

[2.5] Đối chiếu các chứng cứ trên thấy rằng thửa đất 395 hướng Nam và hướng Tây giáp ranh mốc giới đất khu đô thị T3 do Công ty TNHH T2 là chủ đầu tư đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết từng giai đoạn, đều thể hiện dự án có quy hoạch hệ thống thoát nước mưa và hệ thống nước thải được Sở T6 tỉnh Bình Dương phê duyệt đảm bảo nội dung yêu cầu về môi trường, phần đất khu đô thị T3 cao hơn phần đất giáp ranh mốc giới đất của ông H, nước mưa tự nhiên và nước xả thải của các hộ dân sinh sống trong khu dân cư T3 không chảy sang thửa đất 395 của ông H như các chứng cứ nêu trên. Do thửa đất 395 của ông H sử dụng thấp hơn thửa đất của khu dân cư T3 dẫn đến nước mưa tự nhiên không thoát ra bên ngoài hướng đất thấp hơn giáp ranh mốc giới đất ông Bùi Văn Đ có mương nước hiện hữu, nhưng ông H không khai thông dòng chảy dẫn đến nước mưa tự nhiên không thoát được.

[2.6] Như vậy có thể khẳng định ranh mốc giới hướng Nam và hướng Tây giáp ranh mốc giới đất khu dân cư T3 không bị nước mưa tự nhiên và nước xả thải của các hộ dân sinh sống tại khu dân cư T3 chảy sang thửa đất 395 của ông H gây ngập úng khiến các cây cao su 10 năm tuổi của ông H bị rụng lá, chết, làm thiệt hại không khai thác được mủ cao su, phía bị đơn không thừa nhận nên phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chấm dứt hành vi xả nước thải sang phần đất của ông H và yêu cầu bồi thường thiệt hại về cây cao su là không có căn cứ. Bản án sơ thẩm chỉ căn cứ từ khi Công ty TNHH T2 tiến hành xây dựng, san lấp mặt bằng trên phạm vi phần đất được Nhà nước cấp phép xây dựng khu dân cư T3, làm thay đổi địa hình, thay đổi dòng chảy tự nhiên, làm ứ đọng, lưu lượng nước không lưu thông được gây ngập úng, làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất, làm hư hỏng tài sản trên đất của các hộ dân lân cận, trong đó có phần đất Ông Bùi Phi H là chưa đủ chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

[2.7] Từ những phân tích và lập luận nói trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH T2, sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.8] Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[2.9] Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH T2 không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 13, 164, 169, 170, 189, 584, 589, 605 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 166 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T2 và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2020/DS-ST ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T như sau:

1.1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Bùi Phi H đối với bị đơn Công ty TNHH T2 về việc “yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật và bồi thường thiệt hại về tài sản” đối với khoản tiền là chi phí trồng lại cây cao su 10.000.000 đồng do không kháng cáo, kháng nghị.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Bùi Phi H đối với bị đơn Công ty TNHH T2 về việc “yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật và bồi thường thiệt hại về tài sản”.

1.3. Về chi phí tố tụng (xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá): Ông Bùi Phi H phải chịu 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền đã nộp.

1.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Phi H phải chịu 3.556.000 đồng (ba triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng) được khấu trừ số tiền 2.350.000 đồng (hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số V, ngày 26/11/2019 của Chi cục T7 thành phố T, ông H còn phải chịu 1.206.000 đồng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại cho Công ty TNHH T2 số tiền 300.000 đồng, tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số I, ngày 27/01/2021 của Chi cục T7 thành phố T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục T7 thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa D.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Bùi Văn Tâm

